

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG
Số: 23/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đ, ngày 16 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 49/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn H**; Sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

*** Bị đơn:** Bà **Nguyễn M**; Sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng; Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch T, Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Ông Nguyễn M; Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Vợ chồng ông Trần L. Sinh năm: 1961

Bà **Nguyễn K**. Sinh năm: 1957

Địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4/ Vợ chồng ông Yuk Y. Sinh năm: 1968

Bà **Ndu G**. Sinh năm: 1968

Địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 08

tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa ông Nguyễn HH và bà Phạm M cụ thể như sau:

Bà Phạm M nhận tài sản chung gồm:

- 01 (Một) lô đất ở thuộc khu dân cư Tây Nam có diện tích là 240m² kí hiệu là LK-E26 và LK-E27 tại thôn 1, xã R, huyện Đ và tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4 (bao gồm nhà chính với diện tích 90m², nhà vệ sinh 10², mái tôn 11m²).

- 01 (Một) lô đất với diện tích 34.720 m² và toàn bộ tài sản trên đất (gồm 01 căn nhà tạm lại C, cà phê, cây ăn trái như sầu riêng, ổi, dừa...) thuộc các thửa đất số 162, 163, 164, 165 tờ bản đồ số 17 xã Rô Men tại thôn 1, xã R, huyện Đ.

(Có các họa đồ trích đo địa chính ngày 05/4/2019 và 19/6/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng kèm theo Quyết định)

Bà Phạm M có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Nguyễn H số tiền tương ứng với giá trị tài sản ông H được nhận là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

1.2. Về nợ chung: Ông Nguyễn H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch NHCSXH huyện Đ số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng vay đã ký.

1.3. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo vẽ với số tiền là: 11.800.000 đồng, ông H nhận chịu toàn bộ số chi phí này và Tòa án đã thanh quyết toán xong.

1.4. Về án phí: Ông Nguyễn H phải nộp 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 19.500.000 đồng tạm ứng án phí ông Nguyễn H đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003558 ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn H 18.750.000 đồng tạm ứng án phí.

Hoàn trả bà Phạm M 8.250.000 đồng tạm ứng án phí bà Phạm M đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003625 ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND H. Đ;
- CC THADS H. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thúy Phượng